

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung,
bãi bỏ trong lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Lưu thông hàng
hóa trong nước, Hóa chất, Kinh doanh khí thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/ bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 34/TTr-SCT ngày 25 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 26 thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Lưu thông hàng hóa trong nước, Hóa chất, Kinh doanh khí; 09 thủ tục hành chính cấp huyện được sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục hành chính cấp huyện bị bãi bỏ trong lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của của Sở Công Thương theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương (*Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này bãi bỏ 38 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Lưu thông hàng hóa trong nước, Hóa chất, Kinh doanh khí đã công bố tại Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2016, Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2018, Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 09 tháng 05 năm 2018, Quyết định số 644/QĐ-UBND

ngày 01 tháng 3 năm 2019, Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Giám đốc Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo các nội dung được công bố tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bureau điện tỉnh;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương							
I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)							
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 (đồng/lần/cơ sở); + Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở). - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng /lần/cơ sở).	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	* Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 (đồng/lần/cơ sở); + Đối với cơ sở sản xuất khác: 2.500.000 (đồng/lần/cơ sở). - Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 (đồng /lần/cơ sở). * Các trường hợp	- Luật An toàn thực phẩm - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính - Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”. c) Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy			khác không có thu phí, lệ phí.		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. d) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.					

II. Lưu thông hàng hóa trong nước (15 TTHC)

3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: 2.200.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-	Không
---	--	--	--	----	---	--	-------

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: 2.200.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		cháy: 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ				Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: 2.200.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
6	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
8	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp Giấy phép do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						Bộ trưởng Bộ Tài chính	
9	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
11	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí thẩm định: - Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
12	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
13	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy	Có	Phí: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
			Nhơn			- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
14	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
15	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	Phí: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/ lần	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
			địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn		thẩm định) - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
16	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/ lần thẩm định) - Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
17	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Trường hợp cấp lại do Giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh,	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn		- Đối với tổ chức, doanh nghiệp ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
III. Lĩnh vực Hóa chất (06 TTHC)							
18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 1.200.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
						trưởng Bộ Tài chính	
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 600.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
20	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, Quy	Có	Phí: 600.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
			Nhơn			Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 1.200.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ:	Có	Phí: 600.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
			127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn			Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
23	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: 600.000 (đồng/Giấy chứng nhận)	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
IV. Lĩnh vực Kinh doanh khí (03 TTHC)							
24	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	15 ngày làm việc kể từ	Trung	Có	Phí: - Đối với tổ chức,	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	thương nhân kinh doanh mua bán LPG	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn		doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
25	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn	Có	Phí: - Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
Tổng cộng: 26 TTHC							

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (12 TTHC)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (09 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
-----	------------------------	---------------------	---	---	----------------------	----------------	-----------------

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương							
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (09 TTHC)							
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Phí: 1.100.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Phí: 1.100.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		hông: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.					
3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Phí: 1.100.000 (đồng/lần thẩm định/hồ sơ)	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện:	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
					600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)		
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
					<i>doanh/lần thẩm định)</i> + Ở huyện: 600.000 <i>(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</i> - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000 <i>(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</i> + Ở huyện: 200.000 <i>(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)</i>	ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	- Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã,	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
		lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	
7	Cấp Giấy phép bán	15 ngày làm	Bộ phận	Có	- Đối với tổ	- Luật Phòng, chống tác hại của	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	lẻ sản phẩm thuốc lá	việc kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ,	Một cửa cấp huyện		chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh	thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
					<i>doanh/lần thẩm định)</i>		
8	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
					+ Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)		
9	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	- Đối với tổ chức, doanh nghiệp: + Ở thị xã, thành phố: 1.200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 600.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) - Đối với hộ kinh doanh, cá nhân: + Ở thị xã, thành phố: 400.000	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng	Không

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
					(đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định) + Ở huyện: 200.000 (đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định)	Bộ Tài chính	
Tổng cộng: 09TTHC							

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (03 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
1	2.001235	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
2	2.001231	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
3	1.002956	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
Tổng cộng: 03 TTHC			

Phụ lục II

BÃI BỎ 38 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM, LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC, HÓA CHẤT, KINH DOANH KHÍ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (26 TTHC)

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (02 TTHC)			
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
1	2.000591.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
2	2.000535.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
II. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (15 TTHC)			
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 10/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
3	2.000640.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
4	2.000197.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
5	2.000637.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
6	2.000626.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
7	2.000204.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
8	2.000622.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
9	2.000190.000.00.00.H08	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
10	2.000176.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
11	2.000167.000.00.00.H08	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
12	2.001646.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
13	2.001636.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
14	2.001630.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
15	2.001624.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
16	2.001619.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
17	2.000636.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
III. Lĩnh vực hóa chất (06 TTHC)			
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
18	2.001547.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
19	2.001175.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
20	2.001172.000.00.00.H08	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
21	1.002758.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
22	2.001161.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
23	2.000652.000.00.00.H08	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 01/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
24	2.000142.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
25	2.000166.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
26	2.000354.000.00.00.H08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
Tổng cộng: 26 TTHC			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (12 TTHC)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh bị bãi bỏ			
1	2.001235.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
2	2.001231.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
3	1.002956.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
4	2.000633.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
5	1.001279.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
6	2.000629.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
7	2.000620.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
8	2.000615.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
9	2.001240.000.00.00.H08	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
10	2.000181.000.00.00.H08	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
11	2.000162.000.00.00.H08	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
12	2.000150.000.00.00.H08	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
Tổng cộng: 12 TTHC			